

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến việc đọc sách của sinh viên cử nhân chính quy Trường Đại học Y tế Công Cộng năm 2019

Nguyễn Công Minh^{1*}, Nguyễn Hoàng Nam¹, Trần Thị Huyền Trang¹, Trần Thị Thanh¹, Nguyễn Ngọc Sơn¹, Vũ Thị Hậu¹, Tô Nguyễn Thụy Anh¹, Đỗ Mạnh Tiến², Trần Thị Tuyết Hạnh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng và xác định một số yếu tố liên quan đến việc đọc sách của sinh viên cử nhân chính quy trường Đại học Y tế công cộng, năm 2019.

Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu cắt ngang phân tích. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 04 năm 2019 đến tháng 04 năm 2020, trên 420 sinh viên cử nhân chính quy của trường Đại học Y tế công cộng. Thông tin được thu thập thông qua phát phiếu tự điền.

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên yêu thích đọc sách là 80,0% và thường xuyên đọc sách chiếm 41,0%. Phân tích mô hình hồi quy đa biến cho thấy, yếu tố liên quan đến mức độ đọc sách thường xuyên của sinh viên gồm: Tần suất đến thư viện hàng tuần (OR=1,87; p=0,004; CI95%: 1,22 – 2,84) và Đọc hết tài liệu thầy cô giao (OR=1,61; p=0,043; CI95%: 1,01 – 2,55). Ngoài ra, việc đọc toàn bộ sách được giao của các sinh viên yêu thích đọc sách cũng cao hơn hẳn các sinh viên không yêu thích đọc sách.

Kết luận và khuyến nghị: Việc đọc sách trong sinh viên nhìn chung vẫn chưa cao và chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có hình thức giảng dạy của thầy cô. Do đó, thầy/cô nên tăng cường việc kiểm tra việc đọc sách, đọc tài liệu môn học trước khi vào giờ học và áp dụng tiêu chí quy định về số sách chuyên ngành tham khảo cho mỗi bài tập trong quá trình chấm điểm.

Từ khóa: đọc sách, sinh viên, thực trạng, yếu tố liên quan.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đọc là một hoạt động văn hóa của con người, là một trong những phương thức giúp con người thư giãn, giải trí, đồng thời giúp con người tích lũy, nâng cao kiến thức. Đồng thời đây còn là kỹ năng giúp con người tích lũy, nâng cao tri thức; có tác động đến việc hình thành nhân cách con người. Trong các trường đại học, việc đọc sách là con đường giúp sinh viên tiếp thu những tri thức mới một cách nhanh và có hiệu quả nhất, khối lượng tri thức lớn được tiếp nhận từ nhiều nguồn tài

liệu phong phú, thuận lợi và có ưu điểm tiết kiệm thời gian và tiền của.

Đối với nhà trường, phát triển đọc sách là yếu tố thúc đẩy quá trình tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (1), giúp việc dạy và học được đổi mới theo hướng lấy người đọc là trung tâm, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn sinh viên tìm tài liệu và nghiên cứu, những lời giảng của thầy cô chỉ mang tính chất gợi ý và định hướng. Việc học chủ yếu khả năng tự tiếp thu, tự nghiên cứu và xử lý với kiến thức của sinh viên với bài học (2). Hiện nay, trước



*Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Công Minh
Email: bph15ncm@studenthuph.edu.vn

¹Trường Đại học Y tế công cộng,

²Trường Đại học Y dược Thái Bình

Ngày nhận bài: 18/5/2020

Ngày phản biện: 28/5/2020

Ngày đăng bài: 29/12/2020

xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mạnh mẽ trên toàn thế giới, đọc sách đã trở thành công cụ quan trọng, đảm bảo sinh viên trường đại học có khả năng tiếp cận và lĩnh hội thông tin, tri thức mới (1).

Thực tế cho thấy những năm gần đây giới trẻ và sinh viên có xu hướng lười đọc sách, ngại đọc sách và nếu đọc thì thường là truyện tranh, tiểu thuyết. Đồng thời sự phát triển của internet và phương tiện nghe nhìn làm cho việc đọc sách trong nhà trường suy giảm. Thống kê của Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch cho biết trung bình người Việt Nam chỉ đọc 0,8 cuốn sách/người/năm (3). Đa số sinh viên chỉ đọc và học khi các kỳ thi tới gần, học để đối phó, học để thi, hoặc chỉ đọc khi giảng viên yêu cầu. Điều đó có nghĩa là việc đọc chỉ mang tính tức thời khiến sinh viên thiếu chủ động. Sinh viên không có kỹ năng đọc dẫn đến nắm bắt các vấn đề trong tài liệu trở nên khó khăn, đọc sách không mang lại hiệu quả cao trong học tập. Nếu tổng số kiến thức tích lũy được là 100% thì kiến thức có được từ đọc sách chiếm đến 45%, kiến thức có được trong các hình thức học khác 45% và 10% còn lại là tích lũy từ quá trình giao tiếp trong thực tiễn (4). Sinh viên cũng chưa có ý thức giữ gìn tài liệu, thói quen sắp xếp tài liệu chưa khoa học, bảo quản tài liệu chưa đúng cách gây tổn hại đến tài liệu. Ngoài ra, nhà trường, thư viện chưa phát huy được vai trò của mình trong việc hình thành thói quen đọc, hướng dẫn kỹ năng cũng như định hướng đọc cho sinh viên, đặc biệt, chưa nắm bắt được nhu cầu đọc của sinh viên để xác định các biện pháp phù hợp (4).

Trường Đại học Y tế công cộng với đặc điểm là một Trường đào tạo chuyên sâu trong nhiều lĩnh vực, trong đó tập trung vào Y tế công cộng. Một trong những năng lực nghề nghiệp vô cùng quan trọng mà sinh viên trường cần có đó là nghiên cứu khoa học. Đây là kỹ năng

đòi hỏi cao trong việc trau dồi kiến thức qua đọc và nghiên cứu tài liệu chuyên môn và thực hành. Để góp phần nâng cao nhận thức cho sinh viên về vị trí, vai trò của việc đọc và cung cấp thông tin giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của thư viện nhà trường, nhóm nghiên cứu chọn thực hiện đề tài “Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến việc đọc sách của sinh viên cử nhân chính quy trường Đại học Y tế công cộng năm 2019” nhằm mục tiêu: 1) Mô tả thực trạng việc đọc sách của sinh viên cử nhân chính quy trường Đại học Y tế công cộng năm 2019. 2) Xác định một số yếu tố liên quan đến việc đọc sách của sinh viên cử nhân chính quy trường Đại học Y tế công cộng năm 2019.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang phân tích.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 04/2019 đến tháng 04/2020 tại trường Đại học Y tế công cộng Hà Nội.

Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên cử nhân chính quy đang học tập tại trường Đại học Y tế công cộng.

Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu

Nghiên cứu sử dụng công thức công thức chọn mẫu ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z^2_{(1 - \alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cần thiết cho nghiên cứu; Z: hệ số tin cậy (với $\alpha = 0,05$ thì $Z(1 - \alpha/2) = 1,96$); p: $p = 0,405$ là tỷ lệ sinh viên thường

xuyên đọc sách trong nghiên cứu của tác giả Lâm Trần Sơn Ngọc Thiên Chương (6); d: Chọn d = 0,05 - sai số chấp nhận trong nghiên cứu (5%). Thay vào công thức ta được n=370. Tăng thêm 10% để dự phòng trường hợp đối tượng không tham gia hoặc không thu thập được khi triển khai nghiên cứu; tổng là 407 đối tượng. Trên thực tế, nghiên cứu thu thập trên 420 đối tượng.

Chọn mẫu

Mẫu được lựa chọn dựa trên phương pháp chọn mẫu phân tầng. Cụ thể như sau:

Bước 1: Lập danh sách tất cả các sinh viên cử nhân hệ chính quy với 4 ngành học: Công tác xã hội, Dinh dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm Y học và Y tế công cộng.

Bước 2: Phân tầng với mỗi ngành học là một tầng. Tính số sinh viên trong từng tầng dựa trên tỷ lệ sinh viên trong mỗi ngành học và cỡ mẫu cần lấy.

Bước 3: Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống trong từng tầng để lấy đủ số đối tượng tham gia vào nghiên cứu

Ngành học	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng đối tượng trong mẫu
Công tác xã hội	47	5,2	22
Dinh dưỡng	92	10,2	43
Kỹ thuật xét nghiệm Y học	199	22,1	93
Y tế công cộng	564	62,5	264
Tổng số	902	100	420

Biến số nghiên cứu

Nhóm biến số	Biến số nghiên cứu	Loại biến số
Nhóm biến phụ thuộc		
Thói quen đọc	Mức độ đọc sách	Biến phân loại
Sở thích đọc	Yêu thích đọc sách	Biến nhị phân
Kỹ năng đọc	Cách đọc	Biến phân loại
	Cách ghi nhớ nội dung quan trọng	Biến phân loại
Nhóm biến độc lập		
Yếu tố cá nhân	Ngành học	Biến phân loại
	Năm học	Biến phân loại
	Mức độ yêu thích đọc sách	Biến phân loại
Môi trường xã hội	Tần suất tới thư viện	Biến phân loại
Phương pháp đào tạo Đại học	Mức độ giao tài liệu đọc	Biến phân loại
	Mức độ đọc tài liệu được giao	Biến phân loại
	Kiểm tra của thầy cô	Biến nhị phân
Sự phát triển của công nghệ thông tin	Hình thức đọc	Biến phân loại

Tiêu chí đánh giá biến phụ thuộc

Thói quen đọc được đánh giá thông qua Mức độ đọc sách (Thường xuyên hay Hiếm khi); Sở thích đọc được đánh giá thông qua Sự yêu thích đọc sách; Kỹ năng đọc được đánh giá thông qua Cách đọc (Đọc một phần hay Đọc toàn bộ) và Cách ghi nhớ nội dung quan trọng (Có ghi nhớ bằng đánh dấu, ghi chép hay Không làm gì).

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phát vấn để thu thập số liệu. Bộ công cụ được xây dựng dựa trên tham khảo các nghiên cứu thực hiện trước (5); (6).

Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch, nhập và quản lý bằng phần mềm Epidata 3.1. Sau đó được phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0. Nghiên cứu sử dụng giá trị tuyệt đối và tỷ lệ phần trăm để mô tả các biến phân loại. Định lượng mức độ liên quan bằng giá trị OR hiệu chỉnh trong mô

hình hồi quy logistic đa biến (các. Kiểm định Hosmer & Lemeshow được sử dụng để kiểm định tính phù hợp của mô hình ($p > 0,05$). Các kiểm định thực hiện ở mức ý nghĩa 5%.

Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học của trường Đại học Y tế Công cộng thông qua tại Quyết định số 019-394/DD – YTCC. Đối tượng nghiên cứu được đã ký vào giấy đồng ý tham gia nghiên cứu và những thông tin đối tượng cung cấp được giữ bí mật. Ngoài ra, đối tượng có thể từ chối trả lời bất kỳ câu hỏi nào mà bản thân không muốn và có thể dừng cuộc khảo sát mà không chịu bất cứ sự ràng buộc nào về mặt pháp lý. Kết quả nghiên cứu được phản hồi cho Nhà trường.

KẾT QUẢ

Thông tin chung của đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	106	25,2
Nữ	314	74,8
Ngành học		
Y tế công cộng	220	52,4
Kỹ thuật XNYH	111	26,4
Dinh dưỡng	58	13,8
Công tác xã hội	31	7,4
Năm học		
Năm nhất	115	27,4
Năm hai	122	29,0
Năm ba	122	29,0
Năm bốn	61	14,5
Tự chủ về kinh tế		
Tự chủ hoàn toàn	8	1,9
Được trợ cấp hoàn toàn	281	66,9
Nửa trợ cấp, nửa tự túc	131	31,2

Số liệu bảng 1 cho thấy, các sinh viên tham gia nghiên cứu có 74,8% nữ giới và 25,2% nam giới. Tỷ lệ sinh viên ngành Y tế công cộng chiếm 52,4% và có 29,0% sinh viên năm thứ

hai và năm thứ 3. Có 66,9% sinh viên được gia đình trợ cấp hoàn toàn về kinh tế.

Thực trạng đọc sách của sinh viên

Bảng 2. Thói quen và sở thích đọc sách của sinh viên (n=420)

Thói quen và sở thích	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Mức độ đọc sách		
Rất thường xuyên	21	5,0
Thường xuyên	172	41,0
Hiếm khi	227	54,0
Yêu thích đọc sách		
Có	336	80,0
Không	84	20,0
Mục đích đọc sách		
Đạt điểm cao môn học	42	10,0
Trau dồi kiến thức, kỹ năng mới	172	41,0
Giải trí	166	39,5
Cập nhật thông tin	40	9,5
Cách đọc sách		
Đọc 1 phần	107	25,5
Đọc toàn bộ	313	74,5
Kỹ năng ghi nhớ nội dung khi đọc sách		
Có	287	68,3
Không	133	31,7

Kết quả nghiên cứu (Bảng 2) cho thấy, tỷ lệ sinh viên có mức độ đọc sách rất thường xuyên và thường xuyên lần lượt là 5,0% và 41,0%. Có 80,0% sinh viên cho biết bản thân có yêu thích đọc sách và mục đích đọc của phần lớn đối tượng là để trau dồi tri thức, kỹ

năng mới (41,0%). Có 74,5% sinh viên đọc toàn bộ quyển sách thay vì chỉ đọc một phần và 68,3% sinh viên có kỹ năng ghi nhớ thông tin chính khi đọc sách.

Một số yếu tố liên quan đến việc đọc sách của sinh viên

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến mức độ đọc sách của sinh viên

Biến độc lập	Mức độ đọc sách				aOR
	Hiếm khi		Thường xuyên		
	n	%	n	%	
Tần suất đến thư viện					
Không đến hàng tuần	166	60,1	110	39,9	1,87
Đến hàng tuần	61	42,4	83	57,6	(1,22 – 2,84)
Đọc tài liệu thầy cô giao					
Không đọc hết	182	58,0	132	42,0	1,61
Đọc hết	45	42,5	61	57,5	(1,01 – 2,55)
Kiểm định tính phù hợp bằng Hosmer & Lemeshow Test: $X^2=0,14$; $df=2$; $p=0,93$					

Kết quả Bảng 3 cho thấy, các yếu tố liên quan đến mức độ đọc sách thường xuyên của sinh viên bao gồm: Tần suất đến thư viện hàng tuần (OR=1,87; $p=0,004$; CI95%: 1,22 – 2,84) và Đọc hết tài liệu thầy cô giao (OR=1,61; $p=0,043$; CI95%: 1,01 – 2,55).

Bảng 4. Một số yếu tố liên quan đến cách đọc sách của sinh viên

Biến độc lập	Cách đọc sách				aOR
	Đọc 1 phần		Đọc toàn bộ		
	n	%	n	%	
Yêu thích đọc sách					
Không	30	35,7	54	64,3	11,93
Có	77	22,9	259	77,1	(5,57 – 25,58)
Tần suất thầy cô giao tài liệu					
Không thường xuyên	59	26,6	169	73,4	1,47
Thường xuyên	48	24,2	150	75,8	(0,97 – 2,23)
Kiểm định tính phù hợp bằng Hosmer & Lemeshow Test: $X^2=1,2$; $df=2$; $p=0,55$					

Kết quả Bảng 4 cho thấy, các sinh viên yêu thích đọc sách thường đọc toàn bộ quyển sách thay vì đọc một phần, cao hơn tới 11,93 lần so với các sinh viên không yêu thích đọc sách ($p<0,05$ và CI95%: 5,57 – 25,58).

Bảng 5. Một số yếu tố liên quan đến kỹ năng đọc sách của sinh viên

Biến độc lập	Kỹ năng ghi nhớ nội dung				aOR
	Không		Có		
	n	%	n	%	
Lập kế hoạch đọc sách					
Không	114	38,5	182	61,5	2,47
Có	19	15,3	105	84,7	(1,4 – 4,36)
Yêu thích đọc sách					
Không	41	48,8	43	51,2	1,93
Có	92	27,4	244	72,6	(1,14 – 3,24)
Đọc tài liệu thầy cô giao					
Không đọc hết	116	36,9	198	63,1	2,5
Đọc hết	17	16,0	89	84,0	(1,38 – 4,52)
Thầy cô kiểm tra nội dung đọc					
Không	66	45,8	78	54,2	2,22
Có	67	24,3	209	75,7	(1,42 – 3,47)
Kiểm định tính phù hợp bằng Hosmer & Lemeshow test: $X^2=2,97$; $df=6$; $p=0,81$					

Bảng 5 cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng ghi nhớ nội dung khi đọc sách bao gồm: Có lập kế hoạch đọc sách (OR=2,47; $p=0,002$; CI95%: 1,4 – 4,36); Yêu thích đọc sách (OR=1,93; $p=0,014$; CI95%: 1,14 – 3,24); Đọc hết tài liệu thầy cô giao (OR= 2,5; $p=0,002$; CI95%: 1,38 – 4,52) và Có được thầy cô kiểm tra nội dung đọc (OR=2,22; $p<0,05$; CI95%: 1,42 – 3,47).

BÀN LUẬN

Thực trạng đọc sách của sinh viên

Nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra rằng có 80,0% sinh viên yêu thích đọc sách. Về mục đích đọc sách, chủ yếu sinh viên đọc để trau dồi tri thức (41,0%) và giải trí (39,5%). Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Trương

Huyền Anh tiến hành trên sinh viên trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh năm 2017 với 85% sinh viên đọc sách nhằm có kiến thức, đạt điểm cao môn học; 41% đọc để nghiên cứu khoa học và 35% sinh viên đọc sách để nâng cao tay nghề (5). Sự khác biệt giữa nghiên cứu của chúng tôi với nghiên cứu của tác giả Trương Huyền Anh có thể giải thích do đặc thù các ngành học ở hai trường là khác nhau, yêu cầu của sinh viên cũng khác nhau, do đó, mục đích và động lực để đọc sách cũng khác. Về mức độ đọc sách, có 46,0% sinh viên đọc sách thường xuyên và rất thường xuyên, còn lại là hiếm khi đọc sách (54,0%). Tỷ lệ này cao hơn so với kết quả nghiên cứu của tác giả Thiên Chương (với 33,6% sinh viên đọc sách thường xuyên và 6,9% đọc sách rất thường xuyên) (6). Tuy vậy, tỷ lệ sinh viên hiếm khi đọc sách ở nghiên cứu này chỉ là 3,9% và

0,6% sinh viên không bao giờ đọc sách. Điều này có thể lý giải do, ở môi trường sư phạm, các sinh viên có xu hướng tiếp xúc với sách báo nhiều, vừa để phục vụ cho học tập, vừa là thói quen sẽ khác so với trường Đại học Y tế công cộng. Về cách đọc sách, có 74,5% sinh viên đọc toàn bộ sách và 68,3% sinh viên có kỹ năng ghi nhớ khi đọc sách. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Lê Thị Thúy Hiền khi trong nghiên cứu này, chỉ có 20,0% sinh viên đọc toàn bộ nội dung quyển sách (7). Việc đọc hết nội dung sách cũng như kỹ năng ghi nhớ, đánh dấu nội dung khi đọc có vai trò lớn trong việc nâng cao hiệu quả đọc, cần được khuyến khích đối với sinh viên.

Một số yếu tố liên quan đến việc đọc sách của sinh viên

Kết quả nghiên cứu chỉ ra, các yếu tố liên quan đến mức độ đọc sách thường xuyên của sinh viên bao gồm: Tần suất đến thư viện hàng tuần (OR=1,87; $p=0,004$; CI95%: 1,22 – 2,84) và đọc hết tài liệu thầy cô giao (OR=1,61; $p=0,043$; CI95%: 1,01 – 2,55). Có thể giải thích rằng, việc thường xuyên đến thư viện tìm tài liệu cũng như thường xuyên đọc hết các tài liệu mà thầy cô giao sẽ dần hình thành nên thói quen đọc sách, dần dần việc đọc sách cũng trở nên thường xuyên hơn.

Về kỹ năng ghi nhớ nội dung khi đọc sách, nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy: các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng ghi nhớ nội dung khi đọc sách bao gồm: Có lập kế hoạch đọc sách (OR=2,47; $p=0,002$; CI95%: 1,4 – 4,36); Yêu thích đọc sách (OR=1,93; $p=0,014$; CI95%: 1,14 – 3,24); Đọc hết tài liệu thầy cô giao (OR=2,5; $p=0,002$; CI95%: 1,38 – 4,52) và có được thầy cô kiểm tra nội dung đọc (OR=2,22; $p<0,05$; CI95%: 1,42 – 3,47). Với các sinh viên có kế hoạch đọc hay yêu thích đọc, việc ghi chép hoặc đánh dấu lại sẽ giúp họ dễ dàng trong việc theo dõi kế hoạch, lưu giữ các nội dung và ý tưởng hay.

Việc các thầy cô giáo giao tài liệu, kiểm tra nội dung đã giao cũng tăng khả năng ghi chép lại các nội dung của sinh viên, vì lúc này, việc đánh dấu lại các nội dung đọc lúc này sẽ phục vụ cho việc học tập (hoặc kiểm tra).

Về cách đọc sách của sinh viên, các sinh viên yêu thích đọc sách thường đọc toàn bộ sách, cao hơn tới 11,93 lần so với các sinh viên không yêu thích đọc sách ($p<0,05$ và CI95%: 5,57 – 25,58). Điều này cho thấy, cách đọc sách chịu ảnh hưởng rất lớn từ sở thích cá nhân.

Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành là nghiên cứu cắt ngang, trên mẫu là sinh viên cử nhân chính quy trường Đại học Y tế công cộng nên không mang tính đại diện cho toàn bộ sinh viên và khó đánh giá được chi tiết sự liên quan của các yếu tố lên việc đọc sách. Bên cạnh đó, nhiều yếu tố liên quan đến việc đọc (như mức độ yêu thích, thời lượng đọc) khó nhớ và định lượng rõ ràng, nên kết hợp thêm phương pháp định tính để làm rõ. Ngoài ra, bộ công cụ nghiên cứu được thiết kế dựa vào câu hỏi có sẵn, phát vấn cho đối tượng nghiên cứu nên các thông tin thu được phụ thuộc vào thái độ trả lời tích cực của đối tượng. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc đánh giá chưa chính xác hoàn toàn mức độ vấn đề và dẫn đến sai số.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh viên cử nhân chính quy đang học tập tại trường Đại học Y tế công cộng có mức độ đọc sách thường xuyên nói chung là 46% và 80% sinh viên cho biết bản thân có yêu thích đọc sách. Có 74,5% sinh viên đọc toàn bộ nội dung quyển sách và 68,3% sinh viên có kỹ năng ghi nhớ các thông tin chính khi đọc sách. Những tỷ lệ này có liên quan tới các yếu tố: việc giao tài liệu và kiểm tra của

thầy cô cũng như tần suất đến thư viện. Do đó, để tăng cường việc đọc sách của sinh viên, nhà trường nên khuyến khích sinh viên đến thư viện. Ngoài ra, giảng viên cũng cần kiểm tra việc đọc sách, tài liệu môn học của sinh viên và áp dụng tiêu chí quy định về số sách chuyên ngành tham khảo cho mỗi bài tập trong quá trình chấm điểm để sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc đọc sách với việc tiếp thu kiến thức các môn học

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngọc PB. Tổ chức tốt việc tự học cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học theo hình thức tín chỉ hiện nay. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. 2009;25:154-60.
2. Hải NT. Phương pháp học tập chủ động bậc đại học. Trung tâm Nghiên cứu Cải tiến Phương pháp dạy và học đại học 9CEE); Trường ĐH Khoa học Tự Nhiên - ĐH Quốc Gia TP. HCM; 2010.
3. Bộ Thông tin và truyền thông. Dự thảo Đề án Ngày sách Việt Nam 2014. 2013.
4. Lâm ND. Kỹ năng đọc sách, một phương diện quan trọng của văn hóa đọc trong nhà trường Đại học. Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa. 2017;21:85-90.
5. Anh TH. Văn hóa đọc của sinh viên trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương: Khoa Quản lý văn hóa; 2017.
6. Chương LTSNT. Ảnh hưởng của văn hóa đọc đến kết quả học tập của sinh viên ngành Ngữ Văn. Đại học An Giang: Khoa Sư phạm; 2016.
7. Hiền LTT. Thực trạng văn hóa đọc của sinh viên chuyên ngành thư viện thông tin, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. 2011.

Current situation and some associated factors with reading books of full-time bachelor students of Hanoi University of Public Health in 2019

Nguyen Cong Minh^{1}, Nguyen Hoang Nam¹, Tran Thi Huyen Trang¹,
Tran Thi Thanh¹, Nguyen Ngoc Son¹, Vu Thi Hau¹,
To Nguyen Thuy Anh¹, Do Manh Tien², Tran Thi Tuyet Hanh¹*

¹ Hanoi University of Public Health,

² Thai Binh University of Medicine and Pharmacy

Objective: Reading is a crucial academic behavior, which directly affects the formation of personality and develops people's thinking. In the higher education environment, reading culture helps students acquire new knowledge quickly and effectively. However, in recent years, young people and students tend to be lazy to read books, afraid of reading academic books while prefer reading comics and novels. At the same time, the dominance of the internet and audio-visual equipment makes reading in schools and universities become less attractive. This study was conducted with two objectives: (1) To describe the current situation of reading culture; and (2) To identify some factors affecting the reading culture of full-time bachelor students in Hanoi University of Public Health in 2019. Thereby, contributing to raise students' awareness about the roles of reading and providing information to help improving the quality and performance of the university's library. **Methods:** The study was conducted on 420 full-time bachelor students from the first year to the fourth year, belonging to four majors of the Hanoi University of Public Health in 2019. **Main findings:** The study results showed that among 420 full-time bachelor students, 41.0% read books on a regular basis and 80.0% liked reading books. With regression bionary logistic analasys, associated factors with reading frequency includes: Going to library weekly (OR=1,87; p=0,004; CI95%: 1,22 – 2,84) and Completed reading the document assigned by teachers (OR=1,61; p=0,043; CI95%: 1,01 – 2,55). In addition, students who were reading addiction were likely to read all the book assigned, which was higher than the students who did not like reading. **Conclusions:** With full-time Bachelor students at Hanoi University of Public Health, percentages of students with frequent reading behavior were not high in general. However, it could be seen that the reading behavior of students was influenced by the teachers' activities. Therefore, teachers should enhance checking books and course materials that students have read before classes as well as setting a criteria on the minimum number of academic books students should read while doing their assignments so that students are more aware of the importance of academic reading while studying at university.

Keywords: *reading books, college students, current situation, associated factor*